

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN LƯƠNG
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: **110/2023/DS-ST**

Ngày: 26/9/2023

*“Tranh chấp hợp đồng dân sự về
vay tài sản”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Đạt

2. Ông Dương Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Cường là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương: Trường hợp không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2023/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2023/QĐST-DS, ngày 12 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 14, khu phố K, thị trấn K, huyện Kiên L, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Trương Văn K, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố Ng, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Nơi công tác: Huyện đội K, khu phố H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1979 (có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 476, tổ 05, khu phố Ng, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: 08KA đường H, phường V, thành phố Nh, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà của nguyên đơn bà Nguyễn Thu H trình bày: Ngày 09/6/2022 ông Trương Văn K có đến tiệm cầm đồ của bà Nguyễn Thu H vay số tiền 570.000.000^d, có làm giấy biên nhận, ông K ký và viết họ tên vào biên nhận, có thỏa thuận lãi bằng lời nói. Từ khi vay cho đến nay ông K không đóng lãi cũng như trả tiền gốc cho bà.

Nay bà yêu cầu ông K cùng vợ Nguyễn Thị Thanh T trả nợ vay số tiền 570.000.000^d và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ cho vay đến ngày xét xử.

Theo bản tự khai và các lời khai tại Tòa của bị đơn ông Trương Văn K trình bày: Ông thừa nhận ngày 09/6/2022 ông có đến tiệm cầm đồ của bà Nguyễn Thu H để vay số tiền 570.000.000^d, có làm biên nhận, ông có ký và ghi họ tên vào biên nhận, ông và bà H có thỏa thuận lãi bằng lời nói. Từ khi vay cho đến nay ông chưa thanh toán cho bà H được đồng lãi nào và cũng chưa trả tiền gốc cho bà H.

Nay ông cũng đồng ý trả nợ vay số tiền 570.000.000^d cùng với tiền lãi theo quy định pháp luật cho bà H.

Theo bản tự khai và lời khai tại Tòa của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Việc ông K vay tiền của bà H số tiền 570.000.000^d, lúc đầu bà không biết, nay bà biết là ông K có vay tiền bà Nguyễn Thu H và còn nợ số tiền 570.000.000^d. Trong thời gian ông Trương Văn K vay tiền của bà Nguyễn Thu H thì ông K không về nhà sống mặc dù trên danh nghĩa vẫn còn là vợ chồng. Nay bà không đồng ý trả nợ vay cùng với ông K mà bà yêu cầu ông tự trả khoản nợ này cho bà H vì bà không liên quan, không biết đến số nợ số tiền 570.000.000^d.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trương Văn K vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng

mặt. Vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Trương Văn K có nơi cư trú tại: Khu phố Ng, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Giữa bà Nguyễn Thu H và ông Trương Văn K có giao dịch dân sự vay tiền với nhau. Ông K thừa nhận ngày 09/6/2022 ông Trương Văn K có đến tiệm cầm đồ của bà Nguyễn Thu H vay số tiền 570.000.000^d, hai bên có làm giấy biên nhận với nhau, ông K ký tên và viết họ tên vào biên nhận, các đương sự có thỏa thuận lãi bằng lời nói. Từ khi vay cho đến nay ông K không đóng lãi cũng như thanh toán tiền gốc cho bà H.

Xét yêu cầu của bà H yêu cầu vợ chồng ông K bà T trả nợ vay gốc số tiền 570.000.000^d và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày cho vay đến ngày xét xử là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, giữa bà H ông K có giao dịch dân sự vay tiền với nhau, tại phiên tòa bà H khai giữa bà và ông K giao dịch vay mượn tiền xảy ra từ nhiều năm nay, mục đích ông K vay tiền là để đầu tư mua đất bán lại kiếm lời, số tiền 570.000.000^d ông K còn nợ là do ông K vay tiền nhiều lần nhưng đến ngày 09/6/2022 mới làm biên nhận chốt lại số nợ. Phía nguyên đơn đã cung cấp biên nhận nợ ngày 09/6/2022 và ông K thừa nhận có vay tiền của bà H số tiền 570.000.000^d, biên nhận nợ ngày 09/6/2022 là do chính ông K ký tên, ghi họ tên vào biên nhận và ông cũng đồng ý trả số nợ này cho bà H.

[4] Về tiền lãi: Bà H yêu cầu vợ chồng ông K bà T trả lãi suất theo quy định pháp luật trên số tiền 570.000.000^d kể từ ngày cho vay đến ngày xét xử là có cơ sở. Bởi vì, bà H, ông K đều thừa nhận khi vay các đương sự có thỏa thuận lãi suất với nhau. Ông K, bà H đều khai ông K chưa đóng lãi cho bà H được đồng nào cả. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu bà H về yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật là phù hợp được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 lãi suất là 20%/năm, theo đó lãi suất được tính như sau: Lãi suất tính từ 09/6/2022 đến ngày 26/9/2023 là 15 tháng 17 ngày cụ thể: [(15

tháng x 1,66% x 570.000.000^d = 141.930.000^d) + (17 ngày x 0,055% x 570.000.000^d = 5.329.500^d)] = 147.259.500^d. Như vậy, ông K bà T phải trả tiền lãi cho bà H số tiền 147.259.500^d.

[5] Đối với việc bà Nguyễn Thị Thanh T không đồng ý cùng với ông K trả nợ vay cho bà H là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, thời điểm ông K vay tiền của bà H thì giữa bà T ông K vẫn đang còn có mối quan hệ hôn nhân là vợ chồng. Mặt khác, ông K vay tiền của bà H phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, mục đích của ông K vay tiền đầu tư kinh doanh mua bán đất để thu lợi nhuận nhằm phục vụ cho việc tăng thêm thu nhập kinh tế gia đình chứ không phải cho mục đích tiêu xà cá nhân của ông K. Do đó, bà T phải chịu trách nhiệm liên đới cùng với ông K có nghĩa vụ trả nợ vay cho bà H được quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc vợ chồng ông Trương Văn K bà Nguyễn Thị Thanh T phải có nghĩa vụ thanh toán nợ vay gốc lãi số tiền là 717.259.500^d (Trong đó tiền gốc là 570.000.000^d, tiền lãi là: 147.259.500^d) cho bà Nguyễn Thu H.

[6] Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết bà H, ông K bà T đều không khai nhận nhưng đến phiên tòa bà H khai khi ông K vay tiền của bà, có giao cho bà H giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 188829 được Ủy ban nhân dân huyện Hà Tiên cấp ngày 21/3/2003 do ông Trương Văn T đứng tên (ông T là cha ruột của ông K -đã chết năm 2016). Các bên đương sự không có yêu cầu nào liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy không xem xét.

[7] *Về án phí*: Án phí dân sự sơ thẩm được giải quyết theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1, 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 463; 466 và khoản 1, 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.
Tuyên xử:

1/ Buộc ông Trương Văn K bà Nguyễn Thị Thanh T phải có nghĩa vụ trả nợ vay gốc lãi số tiền 717.259.500^d (Trong đó: tiền gốc là 570.000.000^d, tiền lãi là: 147.259.500^d) cho bà Nguyễn Thu H.

Kể từ ngày nguyên đơn có yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí: Áp dụng Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc ông Trương Văn K bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 32.690.380^d (Ba mươi hai triệu, sáu trăm chín mươi nghìn, ba trăm tám mươi đồng).

3/ *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/9/2023); Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7a; 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- THA dân sự h. Kiên Lương;
- Đường sự;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Mai